

QUYẾT ĐỊNH

số 88/2002/QĐ-UB ngày 11/6/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh DakLak về việc ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật cây cà phê vối, cây cao su giai đoạn kiến thiết cơ bản trên địa bàn tỉnh DakLak

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND được Quốc hội nước cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 21/6/1994;

- Căn cứ Quyết định số 06/2002/QĐ-BNN ngày 09/01/2002 của Bộ Nông nghiệp & PTNT “V/v Ban hành tiêu chuẩn về quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch cà phê vối”;

- Căn cứ Công văn số 500/CV-KNKL ngày 02/5/2002 của Cục Khuyến nông và Khuyến lâm “V/v thẩm định định mức KTKT cây cà phê, cao su”;

Xét đề nghị của Sở nông nghiệp & PTNT tại Tờ trình số 92/TT-NN ngày 06/6/2002 “V/v Ban hành định mức KTKT cây cà phê và cao su trên địa bàn tỉnh DakLak”. (Kèm theo Công văn số 2046/CV-KH-TĐ ngày 10/12/2001 của Sở Kế hoạch & Đầu tư “V/v Đề nghị phê duyệt định mức KTKT cây cà phê, cao su trên địa bàn tỉnh DakLak” Công văn số 739/CV-SXD-KTKH ngày 15/11/2001 của Sở xây dựng “V/v Phê duyệt định mức KTKT cây cà phê, cao su trên địa bàn tỉnh DakLak”).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật cây cà phê vối và cây cao su giai đoạn kiến thiết cơ bản trên địa bàn tỉnh DakLak (có Định mức kèm theo).

Điều 2. Giao cho Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức phổ biến, hướng dẫn, triển khai thực hiện Định mức này.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND & UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp - PTNT, Kế hoạch và đầu tư, Xây dựng, Tài chính - Vật giá, chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các sở, ngành, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, những văn bản trước đây trái với quyết định này đều bãi bỏ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH DAKLAK

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

(đã ký)

Lê Văn Quyết

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮKLẮK

ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
CÂY CÀ PHÊ VỒI (Coffea canephora)

GIAI ĐOẠN KIẾN THIẾT CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 136/QĐ-UB ngày 11. tháng 6. năm 2002 của UBND tỉnh Đắk Lắk)



CÂY CÀ PHÊ

1A/- NĂM TRỒNG MỚI

T T	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐVT	ĐỊNH MỨC		YÊU CẦU KỸ THUẬT
			T/Công	Máy	
A/ BIỆN PHÁP ĐÀO HỒ BẰNG THỦ CÔNG					
1	CHUẨN BỊ ĐẤT	Công	108		Đất phải được khai hoang rà rẽ kỹ, gốc thân cành cây phải được gom dọn chuyển ra khỏi lô
1	Cày bừa đất bằng máy	Ca		1.01	Cày sâu 40 – 50 cm. bừa kỹ 2 – 3 lần, đất tơi xốp, bằng phẳng, không còn ụ mối, gốc dai
2	Dọn đất lượm rễ cây dại, vệ sinh lô	Công	5		Đất sạch cỏ dại, tàn dư thực vật, cần chú ý diệt sạch cỏ tranh
3	Chuẩn bị cọc - Thiết kế lô	Công	3		Cây cách cây 3 m. hàng cách hàng 3m. bảo đảm mật độ 1.100 cây/ha
4	Đào hố thủ công hoàn chỉnh	Công	55		Dài x rộng x sâu (60 x 60 x 60 cm), lớp đất mặt để riêng, xong 1 – 2 tháng trước khi trồng
5	Xử lý hố trước khi trộn phân lấp hố	Công	3		Xử lý vôi nông nghiệp, thuốc xử lý đất trước khi trộn phân lấp hố
6*	Vận chuyển, rải phân hữu cơ vào hố	Công	20		Phân hữu cơ (phân chuồng hoai mục) bón lót tối thiểu 10 kg/hố và 0.5 kg phân lân nung chảy
7	Trộn phân, xả thành và lấp đầy hố	Công	22		Phân hữu cơ trộn với lớp đất mặt, lấp xuống hố cách mặt đất 10 cm trước khi trồng 01 tháng
II	TRỒNG CÀ PHÊ – CÂY CHE BÓNG	Công	29		Đúng thời vụ 15/5 đến 15/8, tốt nhất 01/6 đến 15/7
1	Lựa chọn cây giống	Công	1		Tuổi cây 6 – 8 tháng, 5- 7 cặp lá thật, chiều cao cây 25 – 35 cm. không sâu bệnh di dạng
2	Vận chuyển và rải cây giống vào hố	Công	2		Mỗi hố 01 cây, không bị bể bầu đất, nếu trồng 2 cây phải chọn hai cây tương đương nhau
3	Trồng cây cà phê hoàn chỉnh	Công	15		Thẳng hàng dọc, hàng ngang, vết tạo bồn đúng quy cách, mặt bầu thấp hơn mặt đất 15 – 20cm
4	Trồng cây che bóng và cây chắn gió	Công	8		Trồng trên hàng giữa hai cây cà phê, Muồng đen : 36mx(24 – 25m); Keo dậu : 12mx12m
5	Gieo trồng cây muồng hoa vàng chắn gió tạm	Công	3		Gieo cách gốc cà phê 01m, Muồng hạt nhỏ gieo 2-3 hàng; Muồng hạt lớn gieo 1 hàng
III	CHĂM SÓC	Công	94		
1	Kiểm tra, đào hố trồng dặm	Công	2		Sau trồng 15 – 20 ngày, thao tác như trồng mới, kết thúc dặm khi mùa mưa còn 1,5 – 2 tháng
2	Vận chuyển và bón phân hóa học	Công	6		Phân rải đều quanh tán, cách gốc cà phê 15 – 20cm, xới trộn đều với lớp đất mặt độ sâu 5cm
3	Làm cỏ	Công	35		Kịp thời, không làm xây xát vùng cổ rễ, tốt nhất dùng tay nhổ cỏ mọc ngay sát gốc
4	Sửa, vét bồn từ gốc	Công	20		Làm trước mùa khô từ 1 – 2 tháng, quy cách bồn rộng 1m, sâu 20 – 25cm, cần bảo là từ gốc
5	Phun thuốc BVTV	Công	3		Thường xuyên kiểm tra, phòng trừ sâu bệnh kịp thời, đúng thuốc, đúng lúc, đúng liều lượng
6	Chăm sóc cây che bóng, cây chắn gió tạm	Công	5		Thường xuyên rong tỉa cành lá để không che phủ lên cây cà phê
7	Làm cỏ đường lô	Công	4		Tiến hành làm vào đầu mùa khô để chống cháy
8	Phay giữa hàng bằng máy	Ca		0,20	Thực hiện cuối mùa mưa, luôn bảo đảm đất tơi xốp
9	Cuốc xâm sợi giữa hàng bằng thủ công	Công	18		Thường xuyên bảo đảm cây trồng xen, hoặc cỏ dại không lấn át cây cà phê, đất tơi xốp
10	Định thân, tỉa chồi vượt	Công	1		Chỉ nuôi thêm thân phụ khi trồng 01cây/hố, tỉa bỏ chồi vượt
IV	KIỂM KÊ – BẢO VỆ VƯỜN CÂY	Công	2		
1	Kiểm kê, nghiệm thu cuối năm	Công	1		Đánh giá chất lượng vườn cây phân loại theo bảng tiêu chuẩn kèm theo
2	Bảo vệ vườn cây thường xuyên	Công	1		Không để trâu bò súc vật vào lô cần phá cây cà phê, cây che bóng, cây chắn gió
CỘNG : + CÔNG THỦ CÔNG		Công	233		Công xây dựng cơ bản bậc 4/6
+ MÁY THI CÔNG		Ca		1,21	Máy có công suất 50 CV

* Trường hợp sử dụng các loại phân vi sinh hoặc phân sinh hóa hữu cơ để bón lót, hố, định mức bình quân 03Tấn/ha. Mức hao phí nhân công thủ công vận chuyển, rải phân vào hố là 05 công/ha.

CÂY CÀ PHÊ

181- NĂM TRỒNG MỚI

T	HẠNG MỤC	ĐVT	ĐỊNH MỨC		YÊU CẦU
T	CÔNG VIỆC		T/Công	Máy	KỸ THUẬT
B/ BIÊN PHÁP ĐÀO HỒ BẰNG MÁY					
I	CHUẨN BỊ ĐẤT	Công	78		Đất phải được khai hoang rã rễ kỹ , gốc thân cành cây phải được gom dọn chuyển ra khỏi lô
1	Cày bừa đất bằng máy	Ca		1.01	Cày sâu 40 – 50 cm, bừa kỹ 2 – 3 lần, đất tơi xốp, bằng phẳng, không còn u mối, gốc dai
2	Dọn đất lượm rế cây dai, vệ sinh lô	Công	5		Đất sạch cỏ dại, tàn dư thực vật, cần chú ý diệt sạch cỏ tranh
3	Chuẩn bị cọc - Thiết kế lô	Công	3		Cây cách cây 3 m, hàng cách hàng 3m, bảo đảm mật độ 1.100 c/ha
4	Cày rạch hàng hoặc khoan hố bằng máy	Ca		0.36	Cày, khoan sâu 40 – 50 cm, Phải chú ý phá thành khi trộn phân lấp hố
5	Sửa hố hoàn chỉnh sau khi khoan, rạch hàng	Công	25		Dài x rộng x sâu (60 x 60 x 60 cm), lớp đất mặt để riêng, xong 1 – 2 tháng trước khi trồng
6	Xử lý hố trước khi trộn phân lấp hố	Công	3		Xử lý vôi nông nghiệp, thuốc xử lý đất trước khi trộn phân lấp hố
7*	Vận chuyển, rải phân hữu cơ vào hố	Công	20		Phân hữu cơ (phân chuồng hoai mục) bón lót tối thiểu 10 kg/hố và 0,5 kg phân lân nung chảy
8	Trộn phân, xả thành và lấp đầy hố	Công	22		Phân hữu cơ trộn với lớp đất mặt, lấp xuống hố cách mặt đất 10 cm trước khi trồng 01 tháng
II	TRỒNG CÀ PHÊ – CÂY CHE BÓNG	Công	29		Đúng thời vụ 15/5 đến 15/8, tốt nhất 01/6 đến 15/7
1	Lựa chọn cây giống	Công	1		Tuổi cây 6 – 8 tháng, 5- 7 cặp lá thật, chiều cao cây 25 – 35 cm, không sâu bệnh dị dạng
2	Vận chuyển và rải cây giống vào hố	Công	2		Mỗi hố 01 cây, không bị bể bầu đất, nếu trồng 2 cây phải chọn hai cây tương đương nhau
3	Trồng cây cà phê hoàn chỉnh	Công	15		Thẳng hàng dọc, hàng ngang, vết tạo bồn đúng quy cách, mặt bầu thấp hơn mặt đất 15 – 20cm
4	Trồng cây che bóng và cây chắn gió	Công	8		Trồng trên hàng giữa hai cây cà phê * Muồng đen 36mx(24 – 25m);*Keo dậu 12mx12m
5	Gieo trồng cây muồng hoa vàng chắn gió tạm	Công	3		Gieo cách gốc cà phê 01m, Muồng hạt nhỏ gieo 2-3 hàng; Muồng hạt lớn gieo 1 hàng
III	CHĂM SÓC	Công	94		
1	Kiểm tra, đào hố trồng dặm	Công	2		Sau trồng 15 – 20 ngày, thao tác như trồng mới, kết thúc dặm khi mùa mưa còn 1,5 – 2 tháng
2	Vận chuyển và bón phân hóa học	Công	6		Phân rải đều quanh tán, cách gốc cà phê 15 – 20cm, xới trộn đều với lớp đất mặt độ sâu 5cm
3	Làm cỏ	Công	35		Kịp thời, không làm xây xát vùng cổ rễ, tốt nhất dùng tay nhổ cỏ mọc ngay sát gốc
4	Sửa, vét bồn tủ gốc	Công	20		Làm trước mùa khô từ 1 – 2 tháng, quy cách bồn rộng 1m, sâu 20 – 25cm, cần bản là tủ gốc
5	Phun thuốc BVTV	Công	3		Thường xuyên kiểm tra, phòng trừ sâu bệnh kịp thời, đúng thuốc, đúng lúc, đúng liều lượng
6	Chăm sóc cây che bóng, cây chắn gió tạm	Công	5		Thường xuyên rong tỉa cành lá để không che phủ lên cây cà phê
7	Làm cỏ đường lô	Công	4		Tiến hành làm vào đầu mùa khô để chống cháy
8	Phay giữa hàng bằng máy	Ca		0.20	Thực hiện cuối mùa mưa, luôn bảo đảm đất tơi xốp
9	Cuốc xăm sỏi giữa hàng bằng thủ công	Công	18		Thường xuyên bảo đảm cây trồng xen, hoặc cỏ dại không lấn át cây cà phê, đất tơi xốp
10	Định thân, tỉa chồi vượt	Công	1		Chỉ nuôi thêm thân phụ khi trồng 01cây/hố, tỉa bỏ chồi vượt
IV	KIỂM KÊ – BẢO VỆ VƯỜN CÂY	Công	2		
1	Kiểm kê, nghiệm thu cuối năm	Công	1		Đánh giá chất lượng vườn cây phân loại theo bảng tiêu chuẩn kèm theo
2	Bảo vệ vườn cây thường xuyên	Công	1		Không để trâu bò súc vật vào lô cần phá cây cà phê, cây che bóng, cây chắn gió
CÔNG : + CÔNG THỦ CÔNG		Công	203		Công xây dựng cơ bản bậc 4/6
+ MÁY THI CÔNG		Ca		1.57	Máy tiêu chuẩn có công suất 50 CV

* Trường hợp sử dụng các loại phân vi sinh hoặc phân sinh hóa hữu cơ để bón lót hố, định mức bình quân 03 Tấn/ha. Mức hao phí nhân công thủ công vận chuyển, rải phân vào hố là 05 công/ha.

CÂY CÀ PHÊ

2/- NẤM KIẾN THIỆT CƠ BẢN THỰC HÀNH (KTCB I)

T T	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐVT	ĐỊNH MỨC		YÊU CẦU KỸ THUẬT
			T/Công	Máy	
I	TRỒNG DẠM	Công	5		
1	Trồng dặm hoàn chỉnh cà phê và cây bóng	Công	5		Kiểm tra, đào hố, chuyển phân bón, cây giống, trộn phân lấp hố và trồng hoàn chỉnh 10%
II	CHĂM SÓC	Công	217		
1	Làm cỏ đường lô	Công	4		Tiến hành làm vào đầu mùa khô để chống cháy
2	Làm cỏ	Công	68		Kịp thời, không làm xây xát vùng cổ rễ, tốt nhất dùng tay nhổ cỏ mọc ngay sát gốc, 5 – 6 lần
3	Làm cỏ kết hợp tủ gốc cuối mùa mưa	Công	20		Làm sạch cỏ trong gốc, vật liệu tủ phải cách gốc 10 cm
4	Bón phân vô cơ	Công	18		Phân rải hình vành khăn rộng từ 15 – 20cm theo tán lá, xới trộn đều với lớp đất mặt độ sâu 5cm
5	Định thân, tỉa chồi vượt, tạo hình	Công	4		Chỉ nuôi thêm thân phụ khi trồng 01cây/hố, tỉa bỏ chồi vượt, cây khuyết tán nuôi thân bổ sung
6	Phun thuốc BVTV	Công	6		Thường xuyên kiểm tra, phòng trừ sâu bệnh kịp thời, đúng thuốc, đúng lúc, đúng liều lượng
7	Công tưới nước	Công	28		Tưới phun : 400 – 500 m ³ /lần, Tưới gốc 200 – 400 lít/gốc/lần, chu kỳ 20 – 25 ngày
8	Máy tưới	Ca		1,24	Máy tiêu chuẩn Sigma Z50
9	Gieo bổ sung và chăm sóc cây che bóng tạm	Công	5		Gieo bổ sung sau khi chặt sát gốc đầu mùa mưa, rong tỉa cành lá, không để lẫn ất cà phê
10	Phay giữa hàng bằng máy	Ca		0,20	Thực hiện cuối mùa mưa, luôn bảo đảm đất tơi xốp
11	Chăm sóc điều chỉnh cây che bóng	Công	2		Rong tỉa nâng dần tán cây che bóng lên trên tán cây cà phê, cách tán cây cà phê tối thiểu 4m
12	Đào hố – ép xanh	Công	25		Đầu mùa mưa(tháng 5 – 8), đào rãnh dọc 2 bên thành của bồn rộng 20 cm, sâu 20 – 25 cm
13	Đào sửa, vét bồn tủ gốc	Công	30		Giữa mùa mưa vét mở rộng bồn, đạt hoàn chỉnh theo kích thước rộng 2 – 2,5m, sâu 20 – 25cm
14	Phá muồng hoa vàng, cây che bóng tạm	Công	2		Đầu mùa mưa, chặt sát gốc, thân lá tủ vào gốc cà phê
15	Tạo hình bổ sung, vệ sinh vườn cây	Công	5		Tỉa chồi, cắt cành khô, tỉa thưa cành thứ cấp bên trên, quét dọn lá khô trên vườn ...
IV	KIỂM KÊ – BẢO VỆ VƯỜN CÂY		2		
1	Kiểm kê , nghiệm thu cuối năm		1		Đánh giá chất lượng vườn cây phân loại theo bảng tiêu chuẩn kèm theo
2	Bảo vệ vườn cây thường xuyên		1		Không để trâu bò súc vật vào lô cần phá cây cà phê, cây che bóng, cây chắn gió
CÔNG : + CÔNG THỦ CÔNG		Công	224		Công xây dựng cơ bản bậc 4/6
+ MÁY TƯỚI		Ca		1,24	Máy tiêu chuẩn Sigma Z50
+ MÁY CHĂM SÓC		Ca		0,20	Máy tiêu chuẩn có công suất 50 CV

CÂY CÀ PHÊ

3/- NĂM KIẾN THẠC CƠ BẢN THỨ HAI (KTCB II)

T T	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐVT	ĐỊNH MỨC		YÊU CẦU KỸ THUẬT
			T/Công	Máy	
I	TRỒNG DẮM	Công	4		
1	Trồng dặm hoàn chỉnh cà phê và cây bóng	Công	4		Kiểm tra, đào hố, chuyển phân bón, cây giống, trộn phân lấp hố và trồng hoàn chỉnh 10%
II	CHĂM SÓC	Công	258		
1	Làm cỏ đường lô	Công	4		Tiến hành làm vào đầu mùa khô để chống cháy
2	Làm cỏ	Công	60		Kịp thời, không làm xây xát vùng cổ rễ, tốt nhất dùng tay nhổ cỏ mọc ngay sát gốc. 4 - 5 lần
3	Làm cỏ kết hợp tủ gốc cuối mùa mưa	Công	20		Làm sạch cỏ trong gốc, vật liệu tủ phải cách gốc 10 cm
4	Bón phân vô cơ	Công	21		Phân rải hình vành khăn rộng từ 15 - 20cm theo tán lá, xới trộn đều với lớp đất mặt độ sâu 5cm
5	Định thân, tỉa chồi vượt, tạo hình	Công	16		Thường xuyên tỉa bỏ chồi vượt, cây bị khuyết tán nuôi thân bổ sung, hãm ngọn cao 1.2 - 1.3m
6	Tạo hình bổ sung, vệ sinh vườn cây	Công	5		Tỉa chồi, cắt cành khô, tỉa thưa cành thứ cấp bên trên, quét dọn lá khô trên vườn...
7	Phun thuốc BVTV	Công	10		Thường xuyên kiểm tra, phòng trừ sâu bệnh kịp thời, đúng thuốc, đúng lúc, đúng liều lượng
8	Đào hố, rãnh để bón phân hữu cơ - ép xanh	Công	20		Đầu mùa mưa (tháng 5 - 8), đào rãnh dọc 2 bên thành của bồn rộng 20 cm, sâu 20 - 25 cm
9*	Chuyển lấp phân hữu cơ, vật liệu ép xanh,	Công	25		Phân hữu cơ, vật liệu ép xanh lấp vào rãnh cùng với lượng phân lân ủ chung, lấp và dậm chặt
10	Công tưới nước	Công	28		Tưới phun : 400 - 500 m ³ /lần, Tưới gốc 200 - 400 lít/gốc/lần, chu kỳ 20 - 25 ngày
11	Máy tưới	Ca		1,74	Máy tiêu chuẩn Sigma Z50
12	Gieo bổ sung và chăm sóc cây che bóng tạm	Công	5		Gieo bổ sung sau khi chặt sát gốc, rong tỉa cành lá, không để che phủ lẫn át cà phê
13	Phay giữa hàng bằng máy	Ca		0,20	Thực hiện cuối mùa mưa, luôn bảo đảm đất tơi xốp
14	Chăm sóc điều chỉnh cây che bóng	Công	4		Rong tỉa nâng dần tán cây che bóng lên trên tán cây cà phê, cách tán cây cà phê tối thiểu 4m
15	Đào sửa, vét bồn tủ gốc	Công	35		Giữa mùa mưa vét mở rộng bồn, đạt hoàn chỉnh theo kích thước rộng 2 - 2,5m, sâu 20 - 25cm
17	Phá muồng hoa vàng, cây che bóng tạm	Công	5		Đầu mùa mưa, chặt sát gốc, thân lá tủ vào gốc cà phê
IV	KIỂM KÊ - BẢO VỆ VƯỜN CÂY		2		
1	Kiểm kê, nghiệm thu cuối năm		1		Đánh giá chất lượng vườn cây phân loại theo bảng tiêu chuẩn kèm theo
2	Bảo vệ vườn cây thường xuyên		1		Không để trâu bò súc vật vào lô cần phá cây cà phê, cây che bóng, cây chắn gió
CÔNG : + CÔNG THỦ CÔNG		Công	264		Công xây dựng cơ bản bậc 4/6
+ MÁY TƯỚI		Ca		1,74	Máy tiêu chuẩn Sigma Z50
+ MÁY CHĂM SÓC		Ca		0,20	Máy tiêu chuẩn có công suất 50 CV

* Trường hợp sử dụng các loại phân vi sinh hoặc phân sinh hóa hữu cơ thay cho phân chuồng, định mức bình quân 02 Tấn/ha. Mức hao phí nhân công thủ công vận chuyển, rải phân vào hố là 18 công/ha. Tổng công thủ công là 257 công/ha.

ĐỊNH MỨC VẬT TƯ CHỦ YẾU CÂY CÀ PHÊ KIẾN THIẾT CƠ BẢN

T T.	DANH MỤC CÁC LOẠI VẬT TƯ CHỦ YẾU	ĐVT	CHĂM SÓC KIẾN THIẾT CƠ BẢN NĂM			YÊU CẦU KỸ THUẬT
			TRỒNG MỚI	I	II	
1	Cây cà phê giống	Cây	1.280	120	60	
2	Phân hữu cơ	Tấn	15	0	10	Phân hữu cơ hoai mục, hoặc phân vi sinh, phân sinh hóa hữu cơ.
3	Phân đạm (N)	Kg	60	112	145	Phân Urê (46% N) – Phân Sun phát SA (20% N)
4	Phân lân (P_2O_5)	Kg	84	84	84	Phân lân nung chảy, Super lân, Apatit (15% P_2O_5)
5	Phân Kaly (K_2O)	Kg	30	90	120	Phân Kaly Chlorua (60% K_2O)
6	Thuốc BVTV Bi-58	Lít	01	02	03	
7	Thuốc trừ nấm bệnh Validamycine	Lít	01	02	02	Nếu có
8	Thuốc xử lý đất Basudin	Kg	15	0	0	BTN.Tên thương mại khác Diazinon
10	Vôi nông nghiệp	Kg	500	0	0	
10	Cây che bóng, cây đai rừng	Cây	150	15	15	
11	Hạt muồng hoa vàng	Kg	7	06	05	
12	Thuốc diệt cỏ (Glyphosate)	Lít	0	0	0	

CHI CHÚ :

- 1/ Trường hợp sử dụng các loại phân vi sinh hoặc phân sinh hóa hữu cơ để bón lót hố, định mức trung bình là : 03 Tấn/ha.
- 2/ Trường hợp sử dụng các loại phân vi sinh hoặc phân sinh hóa hữu cơ để bón năm chăm sóc KTCB. định mức trung bình là : 2.000 Kg/ha/năm
- 3/ Đối với phân đạm (N), yêu cầu :
 - + Năm chăm sóc KTCB I : cần sử dụng khoảng 20 kg N dạng phân ĐL bón lần 1 vào giữa mùa khô, kết hợp với tưới nước.
 - + Năm chăm sóc KTCB II : cần sử dụng khoảng 30 kg N dạng phân ĐL bón lần 1 vào giữa mùa khô, kết hợp với tưới nước.
- 4/ Trường hợp sử dụng phân hỗn hợp NPK thì căn cứ lượng dinh dưỡng tương đương với phân đơn để áp dụng.

A/ TIÊU CHUẨN CÂY CÀ PHÊ THỜI KỲ KTCB

Đối tượng- cây	Chiều cao cây (m)	Số cặp cành	Các chỉ tiêu đánh giá
1. Năm trồng mới			
- Cây A	0,40 – 0,50	3 - 4	Tán lá khỏe tròn đều, sắc lá xanh đậm, không bị sâu bệnh, lá rụng rất ít.
- Cây B	0,30 – 0,40	> 2 - 3	Tán lá tương đối đều, sắc lá xanh nhưng không đậm đều, bắt đầu có biểu hiện thiếu dinh dưỡng, hơi bị rụng lá
- Cây C	≈ 0,30	2	Biểu hiện sinh trưởng kém, còi cọc thiếu dinh dưỡng, kỹ thuật chăm sóc không đạt yêu cầu
2. Năm chăm sóc I			
- Cây A	1,00 – 1,20	12 - 15	Chiều dài cành đạt từ 0,70 – 0,8 m và các chỉ tiêu kỹ thuật như cây A trồng mới
- Cây B	0,60 – 1,00	> 8	Chiều dài cặp cành đạt > 0,50 m và các chỉ tiêu kỹ thuật như cây B trồng mới
- Cây C	0,50 – 0,60	< 7	Chiều dài cành hơn 0,50 m và các chỉ tiêu kỹ thuật như cây C trồng mới
- Cây D			Không đạt các tiêu chuẩn trên
3. Năm chăm sóc II			
- Cây A	1,00 – 1,40	> 15	Chiều dài cành > 0,80 – 1,00 m và các chỉ tiêu kỹ thuật như cây A trồng mới
- Cây B	0,80 – 1,0	12 – 15	Chiều dài cành 0,70 - 0,8 m và các chỉ tiêu kỹ thuật như cây B trồng mới
- Cây C	> 0,60	> 8	Chiều dài cành 0,60 m và các chỉ tiêu kỹ thuật như cây C trồng mới
- Cây D			Không đạt các tiêu chuẩn trên

B/ TIÊU CHUẨN VƯỜN CÂY KTCB

Chỉ Tiêu	Vườn loại A			Vườn loại B			Vườn loại C	Ghi chú :
	TM	CS I	CS II	TM	CS I	CS II		
Tỷ lệ cây sống %	90	100	100	90	95	100	Không thuộc hai loại vườn trên	- Thời điểm kiểm kê phân loại vườn cây : Tháng 12 hằng năm. - Sản lượng thu bói tính bằng kg cà phê quả tươi/ha.
Trong đó : - % Cây loại A	90	70	65	50	50	50		
% Cây loại B	5 – 10	20	25	20	30	30		
% Cây loại C	5	10	10	20	20	20		
Sản lượng thu bói (Kg/ha)			5.000			3.500		

GHI CHÚ : Vườn loại A phải có đầy đủ hệ thống cây che bóng, cây chắn gió phòng hộ theo quy trình kỹ thuật. Vườn B đạt từ 60 - 70% vườn loại A

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮKLẮK

ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
CÂY CAO SU (Hévea Brasiliensis)
GIAI ĐOẠN KIẾN THIẾT CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 88/QĐ-UB ngày 11... tháng 6... năm 2002 của UBND tỉnh Đắk Lắk)



CÂY CAO SU:

1A/- NĂM TRỒNG MỚI

T T	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐỊNH MỨC		YÊU CẦU KỸ THUẬT
		N/Công	Ca Máy	
A/ PHƯƠNG PHÁP TRỒNG BẰNG CÂY STUMP TRẦN - MẬT ĐỘ THIẾT KẾ 555 Cây/ha				
I	CHUẨN BỊ ĐẤT	41,5		
1	Phóng nọc thiết kế hố trồng	1,5		Cây cách cây 3 m, hàng cách hàng 6m, bảo đảm mật độ 555 cây/ha
2	Đào hố thủ công	28		Dài x rộng x sâu (60 x 50 x 60 cm), lớp đất mặt để riêng, xong 1 – 2 tháng trước khi trồng
3	Xử lý hố, Sửa hố và chuyển phân bón lót	3		Xử lý vôi nông nghiệp, thuốc xử lý đất trước khi trộn phân lấp hố
4	Trộn phân hữu cơ bón lót, xā thành lấp hố	9		Phân hữu cơ bón lót tối thiểu 10 kg/hố và 0,5 kg phân lân nung chảy trộn với lớp đất mặt
II	TRỒNG CÂY CAO SU	15,5		
1	Chọn và vận chuyển cây giống vào hố	0,5		Mỗi hố 01 Stump, đúng tiêu chuẩn kỹ thuật cây Stump giống, thời vụ 01/6 đến 31/7
2	Móc hố, trồng toàn diện hoàn chỉnh	9		Dọn sạch cỏ, rẽ cây xung quanh, đặt cây tum thẳng đứng, mắt ghép về hướng gió chính
3	Cắm máng hướng tưới	1		Máng tre dài 25 – 30 cm, rộng 4 – 5 cm cắm cách gốc 5 cm nghiêng ra phía ngoài mắt tháp
4	Kiểm tra và trồng dặm 20%	5		Kiểm tra 20 ngày sau trồng, dặm đúng giống đã trồng, thao tác như trồng mới
III	CHĂM SÓC	61	0,75	
1	Làm cỏ trên hàng	28		Rộng 2m, cách gốc mỗi bên 01m, cỏ sát gốc phải nhổ bằng tay, tránh dùng cuốc để hư cây
2	Bón phân hóa học kết hợp xới xáo	4		Kết hợp làm sạch cỏ, xới quanh gốc hình vành khăn cách gốc cao su 30 – 40cm : 3đợt/năm
3	Phát cỏ giữa hàng diệt tranh cuối mùa	10		Nếu không trồng xen cần duy trì thảm cỏ thấp cách mặt đất 5 – 10cm, trung bình 2lần/năm
4	Bảo vệ thực vật	1		Thường xuyên kiểm tra, phòng trừ sâu bệnh, dùng đúng thuốc, đúng lúc, đúng liều lượng
5	Cắt tỉa chồi dại, chồi ngang	1		Thường xuyên cắt tỉa chồi thực sinh kịp thời để cho cây ghép phát triển tốt
6	Làm cỏ tú gốc, bồi đất, vét bồn	16		Sau trồng 1 tháng cần bồi đất bổ sung, tạo bồn đường kính 01cm, tú gốc cuối mùa mưa
7	Chống cháy bằng máy		0,15	Thực hiện cuối mùa mưa đầu mùa khô. Dùng máy cày các đường rãnh cần lửa theo từng lô
8	Chống cháy thủ công	1		Kiểm tra phát dọn bờ lô, phòng chống cháy kịp thời
9	Cây chăm sóc cuối năm		0,60	Không cày sát hàng cây cao su, khoảng cách tối thiểu 01m
IV	BẢO VỆ VƯỜN CÂY	2		
1	Bảo vệ thường xuyên	1		Không để trâu bò, súc vật, thú rừng vào lô cần phá hại cây cao su.
2	Kiểm kê phân loại, nghiệm thu cuối năm	1		Yêu cầu 90% cây thấp sống, 80 % cây phát triển 2 tầng lá
CỘNG		120	0,75	Công xây dựng cơ bản bậc 4/6. Máy tiêu chuẩn công suất 50CV
ĐỊNH MỨC VẬT TƯ CHỦ YẾU - YÊU CẦU KỸ THUẬT				
1	Giống Stump trần	610 Cây		Stump trần 10 tháng tuổi, đường kính ≥ 15cm, đo cách cổ rễ 10cm, rễ cọc thẳng, dài 40cm, mắt tháp sống ổn định
2	Phân hữu cơ	5 Tấn		Phân chuồng hoại mục, hoặc sử dụng các loại phân vi sinh, phân sinh hóa hữu cơ, định mức 2 – 3 Kg/gốc
3	Phân đạm (N)	18,50 Kg		Phân Urê (46% N) – Phân Sun phát SA (20% N)
4	Phân lân (P ₂ O ₅)	17,10 Kg		Phân lân nung chảy (15% P ₂ O ₅)
5	Phân Kaly (K ₂ O)	9,00 Kg		Phân Kaly Chlorua (60% K ₂ O)
6	Vôi nông nghiệp	200 Kg		
7	Máng hướng tưới	555 Cái		Máng tre dài 25 – 30 cm, rộng 4 – 5 cm
8	Basudin	2 Kg		BTN.Tên thương mại khác Diazinon
9	Thuốc bảo vệ cây trồng Cu SO ₄	1 Kg		

181- NĂM TRỒNG MỚI

T T	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐỊNH MỨC		YÊU CẦU KỸ THUẬT
		N/Công	Ca Máy	
B/ PHƯƠNG PHÁP TRỒNG BẢNG CÂY BẦU - MẬT ĐỘ THIẾT KẾ 555 Cây/ha				
I	CHUẨN BỊ ĐẤT	41,5		
1	Phóng nọc thiết kế hố trồng	1,5		Cây cách cây 3 m, hàng cách hàng 6m, bảo đảm mật độ 555 cây/ha
2	Đào hố thủ công quy cách 60 x 60 x 60 cm	28		Dài x rộng x sâu (60 x 50 x 60 cm), lớp đất mặt để riêng, xong 1 – 2 tháng trước khi trồng
3	Chuyển phân hữu cơ vào hố	3		Xử lý vôi nông nghiệp, thuốc xử lý đất trước khi trộn phân lấp hố
4	Trộn phân hữu cơ bón lót, xā thành lấp hố	9		Phân hữu cơ bón lót tối thiểu 10 kg/hố và 0,5 kg phân lân nung chảy trộn với lớp đất mặt
II	TRỒNG CÂY CAO SU	23,5		
1	Chọn và vận chuyển cây giống vào hố	2,5		Mỗi hố 01 bầu cây, đúng tiêu chuẩn kỹ thuật cây bầu ghép, thời vụ 15/5 đến 15/8
2	Móc hố, trồng toàn diện hoàn chỉnh	17		Dọn sạch cỏ, rẽ cây xung quanh, đặt bầu cây thẳng đứng, mắt ghép về hướng gió chính
3	Cắm máng hướng tưới	1		Máng tre dài 25 – 30 cm, rộng 4 – 5 cm cắm cách gốc 5 cm nghiêng ra phía ngoài mắt thấp
4	Kiểm tra và trồng dặm 20%	3		Kiểm tra 20 ngày sau trồng, đúng giống đã trồng, Thao tác như trồng mới
III	CHĂM SÓC	61	0,75	
1	Làm cỏ trên hàng	28		Rộng 2m, cách gốc mỗi bên 01m, cỏ sát gốc phải nhổ bằng tay, tránh dùng cuốc dễ hư cây
2	Bón phân hóa học kết hợp xới xáo	4		Kết hợp làm sạch cỏ, xới quanh gốc hình vành khăn cách gốc cao su 30 – 40cm : 3đợt/năm
3	Phát cỏ giữa hàng diệt tranh cuối mùa	10		Nếu không trồng xen cần duy trì thảm cỏ thấp cách mặt đất 5 – 10cm, trung bình 2lần/năm
4	Bảo vệ thực vật	1		Thường xuyên kiểm tra, phòng trừ sâu bệnh, dùng đúng thuốc, đúng lúc, đúng liều lượng
5	Cắt tỉa chồi đại, chồi ngang	1		Thường xuyên cắt tỉa chồi thực sinh kịp thời để cho cây ghép phát triển tốt
6	Làm cỏ tủ gốc, bồi đất, vét bồn	16		Sau trồng 1 tháng cần bồi đất bổ sung, tạo bồn đường kính 01cm, từ gốc cuối mùa mưa
7	Chống cháy bằng máy		0,15	Thực hiện cuối mùa mưa đầu mùa khô. Dùng máy cày các đường rãnh cản lửa theo từng lô
8	Chống cháy thủ công	1		Kiểm tra phát dọn bờ lô, phòng chống cháy kịp thời
9	Cây chăm sóc cuối năm		0,60	Không cày sát hàng cây cao su, khoảng cách tối thiểu 01m
IV	BẢO VỆ VƯỜN CÂY	2		
1	Bảo vệ thường xuyên	1		Không để trâu bò, súc vật, thú rừng vào lô cần phá hại cây cao su.
2	Kiểm kê phân loại, nghiệm thu cuối năm	1		Yêu cầu 90% cây thấp sống, 80 % cây phát triển 2 tầng lá
CỘNG (I + II + III)		128	0,75	Công xây dựng cơ bản bậc 4/6. Máy tiêu chuẩn công suất 50CV
ĐỊNH MỨC VẬT TƯ CHỦ YẾU - YÊU CẦU KỸ THUẬT				
1	Cây giống Stump có bầu đất	585 Cây		Cây ghép có đường kính ≥ 14cm, đo cách cổ rễ 10cm, bầu đất không bị bể, không long gốc, mắt thấp sống ổn định
2	Phân hữu cơ	5 Tấn		Phân hữu cơ hoại mục, hoặc sử dụng các loại phân vi sinh, phân sinh hóa hữu cơ, định mức 2 – 3 Kg/gốc
3	Phân đạm (N)	18,50 Kg		Phân Urê (46% N) – Phân Sun phát SA (20% N)
4	Phân lân (P ₂ O ₅)	17,10 Kg		Phân lân nung chảy (15% P ₂ O ₅)
5	Phân Kaly (K ₂ O)	9,00 Kg		Phân Kaly Chlorua (60% K ₂ O)
6	Vôi nông nghiệp	200 Kg		
7	Máng hướng tưới	555 Cái		Máng tre dài 25 – 30 cm, rộng 4 – 5 cm
8	Basudin	2 Kg		BTN, Tên thương mại khác Diazinon
9	Thuốc bảo vệ cây trồng Cu SO ₄	1 Kg		

2/- NÀM KIẾN THIỆT CƠ BẢN THỦ NHẤT (KTCB I)

T	HẠNG MỤC	ĐỊNH MỨC		YÊU CẦU
T	CÔNG VIỆC	N/Công	Ca Máu	KỸ THUẬT
MẬT ĐỘ THIẾT KẾ : 555 Cây/ha				
I	TRỒNG DẠM	3		
1	Trồng dặm hoàn chỉnh bằng cây có bầu đất	3		Kiểm tra, đào hố, V/chuyển cây giống, phân bón lót, trộn phân, lấp hố và trồng dặm 15%.
II	CHĂM SÓC	104	0.75	
1	Làm cỏ trên hàng	70		Cách gốc cao su mỗi bên 1,5m, cỏ sát gốc phải nhổ bằng tay, tránh dùng cuốc dễ hư cây
2	Bón phân hoá học kết hợp xới xáo phá váng	10		Kết hợp làm sạch cỏ, xới quanh gốc hình vành khăn cách gốc cao su 50 – 60cm : 2đợt/năm
3	Làm cỏ giữa hàng	10		Nếu không trồng xen cần duy trì thảm cỏ thấp cách mặt đất 5 – 10cm, trung bình 2lần/năm
4	Phun thuốc diệt cỏ	1		Không để thuốc tiếp xúc với lá, đợt non,vỏ xanh cây cao su, phun 4 – 6 giờ trước khi có mưa
5	Vết bón, tủ gốc giữ ẩm	9		Giữa mùa mưa vết mở rộng bồn, cuối mùa mưa xới phá váng tủ gốc bán kính 1m dày 10cm
6	Cắt chồi ngang tạo hình	1		Thường xuyên cắt tỉa chồi ngang kịp thời, chỉ giữ lại chồi ngang ở độ cao 3m trở lên
7	Chống cháy thủ công	2		Kiểm tra phát dọn bờ lô, phòng chống cháy kịp thời
8	Chống cháy bằng máy		0.15	Thực hiện cuối mùa mưa đầu mùa khô. Dùng máy cày các đường rãnh cân lửa theo từng lô
9	Bảo vệ thực vật	1		Thường xuyên kiểm tra, phòng trừ sâu bệnh, dùng đúng thuốc, đúng lúc, đúng liều lượng
10	Cây chăm sóc giữa hàng bằng máy		0.60	Phải cây cách gốc cây cao su tối thiểu 1.5m
III	BAO VỆ LÔ	2		
1	Bảo vệ thường xuyên	1		Không để trâu bò, súc vật, thú rừng vào lô cán phá hại cây cao su.
2	Kiểm kê phân loại, nghiệm thu cuối năm	1		Mật độ 530 cây/ha, đạt 85% hố có cây thấp sống, đo độ cao 01m vành bình quân 6 – 7 cm
CỘNG (I + II = III)		109	0.75	Công xây dựng cơ bản bậc 4/6 Máy tiêu chuẩn công suất 50CV
ĐỊNH MỨC VẬT TƯ CHỦ YẾU - YÊU CẦU KỸ THUẬT				
1	Cây giống Stump có bầu đất	90 Cây		Cây ghép có đường kính ≥ 14cm, đo cách cổ rễ 10cm, bầu đất không bị bể, không long gốc, mắt thấp sống ổn định
2	Phân đạm (N)	41,40 Kg		Phân Urê (46% N) – Phân Sun phát SA (20% N)
3	Phân lân (P ₂ O ₅)	39.00 Kg		Phân lân nung chảy, Super lân, Apatit (15% P ₂ O ₅)
4	Phân Kaly (K ₂ O)	16.80 Kg		Phân Kaly Chlorua (60% K ₂ O)
5	Máng hướng tưới	85 Cái		Máng tre dài 25 – 30 cm, rộng 4 – 5 cm
6	Thuốc BVTV (CuSO ₄)	2 Kg		
-	Basudin	2 Kg		BTN,Tên thương mại khác Diazinon
8	Lưu huỳnh bột	0.5 Kg		
9	Vôi	0.5 Kg		
10	Thuốc diệt cỏ (Glyphosate)	3 Lít		

GHI CHÚ : Cây giống trồng dặm nếu có điều kiện nên sử dụng stump bầu có 2 – 3 tầng lá ổn định đâm vào đầu vụ trồng mới.

31- NĂM KIẾN THIỆT CƠ BẢN THỦ HẠ? (KTCB II)

T T	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐỊNH MỨC		YÊU CẦU KỸ THUẬT
		N/Công	Ca Máy	
MẬT ĐỘ THIẾT KẾ : 555 Cây/ha				
I	CHĂM SÓC	105	0,45	
1	Làm cỏ trên hàng	65		Cách gốc cao su mỗi bên 1,5m, cỏ sát gốc phải nhổ bằng tay, tránh dùng cuốc dễ hư cây
2	Bón phân hoá học kết hợp xới xáo phá văng	15		Kết hợp làm sạch cỏ, xới quanh gốc hình vành khăn cách gốc cao su 70 – 80cm ; 2đợt/năm
3	Làm cỏ giữa hàng	10		Nếu không trồng xen cần duy trì thảm cỏ thấp cách mặt đất 5 – 10cm, trung bình 2lần/năm
4	Chống cháy thủ công	2		Kiểm tra phát dọn bờ lô, phòng chống cháy kịp thời
5	Chống cháy bằng máy		0,15	Thực hiện cuối mùa mưa đầu mùa khô. Dùng máy cày các đường rãnh cản lửa theo từng lô
6	Phun thuốc diệt cỏ	1		Không để thuốc tiếp xúc với lá, đợt non, vỏ xanh cây cao su, phun 4 – 6 giờ trước khi có mưa
7	Vét bồn tủi gốc giữ ẩm	10		Giữa mùa mưa vét mở rộng bồn, cuối mùa mưa xới phá văng tủ gốc bán kính 1m dày 10cm
8	Cắt chổi ngang tạo hình	1		Thường xuyên cắt tỉa chổi ngang kịp thời, chỉ giữ lại chổi ngang ở độ cao 3m trở lên
9	Bảo vệ thực vật	1		Thường xuyên kiểm tra, phòng trừ sâu bệnh, dùng đúng thuốc, đúng lúc, đúng liều lượng
10	Cây chăm sóc giữa hàng bằng máy (ca)		0,30	Phải cày cách gốc cây cao su tối thiểu 1.5m
II	BẢO VỆ LÔ	2		
1	Bảo vệ thường xuyên	1		Không để trâu bò, súc vật, thú rừng vào lô cắn phá hại cây cao su.
2	Kiểm kê phân loại, nghiệm thu cuối năm	1		Mật độ 540 cây/ha, đạt 95% hố có cây thấp sống, đo độ cao 01m vành bình quân 13 – 15 cm
CỘNG (I + II)		107	0,45	Công xây dựng cơ bản bậc 4/6. Máy tiêu chuẩn công suất 50CV
ĐỊNH MỨC VẬT TƯ CHỦ YẾU - YÊU CẦU KỸ THUẬT				
1	Phân đạm (N)	54,74 Kg	Phân Urê (46% N) – Phân Sun phát SA (20% N)	
2	Phân lân (P ₂ O ₅)	27,45 Kg	Phân lân nung chảy, Super lân, Apatit (15% P ₂ O ₅)	
3	Phân Kaly (K ₂ O)	25,80 Kg	Phân Kaly Chlorua (60% K ₂ O)	
4	Thuốc BVTV (CuSO ₄)	2 Kg		
5	Basudin	2 Kg	BTN, Tên thương mại khác Diazinon	
6	Lưu huỳnh bột	0,5 Kg		
7	Vôi	0,5 Kg		
8	Thuốc diệt cỏ (Glyphosate)	3 Kg		

4/- NÀM KIẾN THIỆT CƠ BẢN THỦ BA (KTCB III)

T T	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐỊNH MỨC		YÊU CẦU KỸ THUẬT
		N/Công	Ca Máy	
MẬT ĐỘ THIẾT KẾ : 555 Cây/ha				
I	CHĂM SÓC	88	0,45	
1	Làm cỏ trên hàng	60		Cách gốc mỗi bên 1,5m, không được kéo đất ra khỏi gốc , tránh xây xát gốc; 4 – 5 lần/năm
2	Bón phân hoá học kết hợp xới xáo phá váng	12		Kết hợp làm sạch cỏ, xới quanh gốc hình vành khăn cách gốc cao su 90 – 100cm ; 2 đợt/năm
3	Làm cỏ giữa hàng	8		Nếu không trồng xen cần duy trì thảm cỏ thấp cách mặt đất 5 – 10cm, trung bình 2 lần/năm
4	Bừa giữa hàng bằng máy (ca)	0		
5	Chống cháy thủ công	2		Kiểm tra phát dọn bờ lô, phòng chống cháy kịp thời
6	Phun thuốc diệt cỏ	2		Không để thuốc tiếp xúc với lá, đợt non, vỏ xanh cây cao su, phun 4 – 6 giờ trước khi có mưa
7	Cắt chổi ngang tạo hình	2		Thường xuyên cắt tia chổi ngang kịp thời, chỉ giữ lại chổi ngang ở độ cao 3m trở lên
8	Chống cháy bằng máy (ca)		0,15	Thực hiện cuối mùa mưa đầu mùa khô. Dùng máy cày các đường rãnh cản lửa theo từng lô
9	Bảo vệ thực vật	2		Thường xuyên kiểm tra, phòng trừ sâu bệnh, dùng đúng thuốc, đúng lúc, đúng liều lượng
11	Cây chăm sóc giữa hàng bằng máy (ca)	0,30	0,30	Phải cày cách gốc cây cao su tối thiểu 1,5m
II	BẢO VỆ LÔ	2		
1	Bảo vệ thường xuyên	1		Không để trâu bò, súc vật, thú rừng vào lô cần phá hại cây cao su.
2	Kiểm kê phân loại, nghiệm thu cuối năm	1		Mật độ 540 cây/ha, đạt 95% hồ có cây thấp sống, đo độ cao 01m vành bình quân 20 – 23 cm
CỘNG (I + II)		90	0,45	Công xây dựng cơ bản bậc 4/6. Máy tiêu chuẩn công suất 50CV
ĐỊNH MỨC VẬT TƯ CHỦ YẾU - YÊU CẦU KỸ THUẬT				
1	Phân đạm (N)	73,14 Kg	Phân Urê (46% N) – Phân Sun phát SA (20% N)	
2	Phân lân (P ₂ O ₅)	36,60 Kg	Phân lân nung chảy, Super lân, Apatit (15% P ₂ O ₅)	
3	Phân Kaly (K ₂ O)	25,80 Kg	Phân Kaly Chlorua (60% K ₂ O)	
4	Thuốc BVTV (CuSO ₄)	2 Kg		
5	Basudin	2 Kg		
6	Vôi	0,5 Kg		
7	Lưu huỳnh bột	0,5 Kg		
8	Thuốc diệt cỏ (Glyphosate)	3 Lít		

5/- NẪM KIẾN THIỆT CƠ BẢN THU THU (KTCB IV)

T T	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐỊNH MỨC		YÊU CẦU KỸ THUẬT
		N/Công	Ca Máy	
MẬT ĐỘ THIẾT KẾ : 555 Cây/ha				
I	CHĂM SÓC	83	0,15	
1	Làm cỏ trên hàng	55		Cách gốc mỗi bên 1,5m, không được kéo đất ra khỏi gốc , tránh xây xát gốc; 4 – 5 lần/năm
2	Bón phân hoá học kết hợp xới xáo phá váng	12		Kết hợp làm sạch cỏ,rãi phân thành băng rộng 01m giữa hàng,xới nhẹ,lấp phân ; 2đợt/năm
3	Làm cỏ giữa hàng	8		Nếu không trồng xen cần duy trì thảm cỏ thấp cách mặt đất 5 – 10cm, trung bình 2lần/năm
4	Phun thuốc diệt cỏ	2		Không để thuốc tiếp xúc với lá, đốt non,vỏ xanh cây cao su, phun 4 – 6 giờ trước khi có mưa
5	Cắt chỗi ngang tạo hình	1		Thường xuyên cắt tỉa chỗi ngang kịp thời, chỉ giữ lại chỗi ngang ở độ cao 3m trở lên
6	Chống cháy thủ công	2		Kiểm tra phát dọn bờ lô, phòng chống cháy kịp thời
7	Chống cháy bằng máy		0,15	Thực hiện cuối mùa mưa đầu mùa khô. Dùng máy cày các đường rãnh cản lửa theo từng lô
8	Bảo vệ thực vật	3		Thường xuyên kiểm tra, phòng trừ sâu bệnh, dùng đúng thuốc, đúng lúc, đúng liều lượng
II	BẢO VỆ LÔ	2		
1	Bảo vệ thường xuyên	1		Không để trâu bò, súc vật, thú rừng vào lô cắn phá hại cây cao su,
2	Kiểm kê phân loại, nghiệm thu cuối năm	1		Mật độ 540 cây/ha, đạt 95% hố có cây thấp sống, đo độ cao 01m vành bình quân 27 – 31 cm
CỘNG (I + II)		85	0,15	Công xây dựng cơ bản bậc 4/6. Máy tiêu chuẩn công suất 50CV
ĐỊNH MỨC VẬT TƯ CHỦ YẾU - YÊU CẦU KỸ THUẬT				
1	Phân đạm (N)	73,14 Kg	Phân Urê (46% N) – Phân Sun phát SA (20% N)	
2	Phân lân (P ₂ O ₅)	36.60 Kg	Phân lân nung chảy, Super lân, Apatit (15% P ₂ O ₅)	
3	Phân Kaly (K ₂ O)	25,80 Kg	Phân Kaly Chlorua (60% K ₂ O)	
4	Thuốc BVTV (CuSO ₄)	2 Kg		
5	Basudin	2 Kg	BTN.Tên thương mại khác Diazinon	
6	Lưu huỳnh bột	0,5 Kg		
7	Vôi	0,5 Kg		
8	Thuốc diệt cỏ (Glyphosate)	3 Lit		
9	Validamycine	2 Lit		

6/- NẤM KIẾN THẠCH CƠ BẢN THỨ NĂM (KTCB V)

T T	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐỊNH MỨC		YÊU CẦU KỸ THUẬT
		N/Công	Ca Máy	
MẬT ĐỘ THIẾT KẾ : 555 Cây/ha				
I	CHĂM SÓC	65	0.15	
1	Làm cỏ trên hàng	40		Cách gốc mỗi bên 1.5m. không được kéo đất ra khỏi gốc . tránh xây xát gốc; 4 – 5 lần/năm
2	Bón phân hoá học kết hợp xới xáo phá váng	10		Kết hợp làm sạch cỏ,rãi phân thành băng rộng 01m giữa hàng,xới nhẹ,lấp phân ; 2đợt/năm
3	Làm cỏ giữa hàng	8		Nếu không trồng xen cần duy trì thảm cỏ thấp cách mặt đất 5 – 10cm, trung bình 2lần/năm
5	Phun thuốc diệt cỏ	2		Không để thuốc tiếp xúc với lá. đợt non,vỏ xanh cây cao su. phun 4 – 6 giờ trước khi có mưa
6	Cắt chồi ngang tạo hình	1		Thường xuyên cắt tỉa chồi ngang kịp thời, chỉ giữ lại chồi ngang ở độ cao 3m trở lên
8	Chống cháy thủ công	2		Kiểm tra phát dọn bờ lô, phòng chống cháy kịp thời
9	Chống cháy bằng máy (ca)		0.15	Thực hiện cuối mùa mưa đầu mùa khô. Dùng máy cày các đường rãnh cản lửa theo từng lô
10	Bảo vệ thực vật	2		Thường xuyên kiểm tra, phòng trừ sâu bệnh, dùng đúng thuốc, đúng lúc, đúng liều lượng
II	BẢO VỆ LÔ	2	2	
1	Bảo vệ thường xuyên	1	1	Không để trâu bò, súc vật, thú rừng vào lô cần phá hại cây cao su.
2	Kiểm kê phân loại, nghiệm thu cuối năm	1	1	Mật độ 540 cây/ha, đạt 95% hố có cây thấp sống, đo độ cao 01m vành bình quân 34 – 40 cm
CỘNG (I + II)		67	0,15	Công xây dựng cơ bản bậc 4/6. Máy tiêu chuẩn công suất 50CV
ĐỊNH MỨC VẬT TƯ CHỦ YẾU - YÊU CẦU KỸ THUẬT				
1	Phân đạm (N)	73.14 Kg	Phân Urê (46% N) – Phân Sun phát SA (20% N)	
2	Phân lân (P ₂ O ₅)	36.60 Kg	Phân lân nung chảy, Super lân, Apatit (15% P ₂ O ₅)	
3	Phân Kaly (K ₂ O)	25.80 Kg	Phân Kaly Chlorua (60% K ₂ O)	
4	Thuốc diệt cỏ (Glyphosate)	2 Lit		
5	Validamycine	2 Lit		

71- NĂM KIẾN THẠC CƠ BẢN THỰC SỰ (KTCB VI)

T T	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐỊNH MỨC		YÊU CẦU KỸ THUẬT
		N/Công	Ca Máy	
MẬT ĐỘ THIẾT KẾ : 555 Cây/ha				
I	CHĂM SÓC	63		
1	Làm cỏ trên hàng	40		Cách gốc mỗi bên 1,5m, không được kéo đất ra khỏi gốc , tránh xây xát gốc; 4 – 5 lần/năm
2	Bón phân hoá học kết hợp xới xáo phá váng	10		Kết hợp làm sạch cỏ,rãi phân thành băng rộng 01m giữa hàng,xới nhẹ,lấp phân ; 2đợt/năm
3	Làm cỏ giữa hàng	6		Nếu không trồng xen cần duy trì thảm cỏ thấp cách mặt đất 5 – 10cm, trung bình 2lần/năm
4	Phun thuốc diệt cỏ	2		Không để thuốc tiếp xúc với lá, đợt non,vỏ xanh cây cao su, phun 4 – 6 giờ trước khi có mưa
5	Cắt chồi ngang tạo hình	1		Thường xuyên cắt tỉa chồi ngang kịp thời, chỉ giữ lại chồi ngang ở độ cao 3m trở lên
6	Chống cháy thủ công	2		Kiểm tra phát dọn bờ lô, phòng chống cháy kịp thời
7	Chống cháy bằng máy (ca)		0,15	Thực hiện cuối mùa mưa đầu mùa khô. Dùng máy cày các đường rãnh cản lửa theo từng lô
8	Bảo vệ thực vật	2		Thường xuyên kiểm tra, phòng trừ sâu bệnh, dùng đúng thuốc, đúng lúc, đúng liều lượng
II	BẢO VỆ LÔ	2		
1	Bảo vệ thường xuyên	1		Không để trâu bò, súc vật, thú rừng vào lô cần phá hại cây cao su,
2	Kiểm kê phân loại, nghiệm thu cuối năm	1		Mật độ 540 cây/ha, đạt 95% hồ có cây thấp sống, đo độ cao 01m vanh bình quân 45 – 50 cm
CỘNG (I + II)		65	0,15	Công xây dựng cơ bản bậc 4/6. Máy tiêu chuẩn công suất 50CV
ĐỊNH MỨC VẬT TƯ CHỦ YẾU - YÊU CẦU KỸ THUẬT				
1	Phân đạm (N)	73,14 Kg	Phân Urê (46% N) – Phân Sun phát SA (20% N)	
2	Phân lân (P ₂ O ₅)	36,60 Kg	Phân lân nung chảy, Super lân, Apatit (15% P ₂ O ₅)	
3	Phân Kaly (K ₂ O)	25,80 Kg	Phân Kaly Chlorua (60% K ₂ O)	
4	Thuốc diệt cỏ (Glyphosate)	2 Lít		
5	Validamycine	2 Lít		